TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC N – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06/8/2026
V/v Tranh chấp ly hôn, ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC N - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Kim Xuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Cường

2. Ông Nguyễn Chí Công.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Thanh Tân - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực N - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực N - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Bảo Nhi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/8/2026, tại Phòng xử án Toà án nhân dân Khu vực N - Đồng Tháp xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số: 239/2026/TLST-HNGĐ ngày 13/4/2026 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/6/2026 và Quyết định hoãn số 106A/2026/QĐST-DS ngày 29/6/2026, Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 162/TB-TA ngày 21/7/2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị P, sinh năm 1990.

2. ***Bị đơn:*** Anh Đặng Minh Đ, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Số A, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Có đơn xin vắng mặt: Chị Đoàn Thị P.

Vắng mặt không lý do: Anh Đặng Minh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2026, chị Đoàn Thị Phương trình B:

Chị Đoàn Thị P và anh Đặng Minh Đ tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41/2012 ngày 20/4/2012. Sau khi kết hôn, chị P và anh H sống chung hạnh phúc tại nhà cha mẹ chồng. Đến năm 2024, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh Đ không chăm lo cho vợ, con dẫn đến thường xuyên cự cãi. Mâu thuẫn kéo dài

dẫn đến hai bên không thể chia sẽ, quan tâm, chăm sóc và cùng nhau xây dựng hạnh phúc. Từ năm 2024 đến nay, chị P và các con về nhà ba mẹ ruột sống. Do đó, chị Đoàn Thị P yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Minh Đ.

Về con chung: Chị P và anh Đặng Minh Đ có 02 con chung tên Đặng Đoàn Minh H1, sinh ngày 19/10/2012 và Đặng Đoàn Minh T, sinh ngày 03/6/2015 hiện đang sống chung với chị P. Chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đặng Minh Đ: Anh Đặng Minh Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng, được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên họp nhưng anh H vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp văn bản ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực N – Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn yêu khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án dân sự cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn là chị P chấp hành pháp luật đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn anh Đ vắng mặt không lý do đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị P, cho chị P ly hôn với anh Đ, giao con chung tên Đặng Đoàn Minh H1, sinh ngày 19/10/2012 và Đặng Đoàn Minh T, sinh ngày 03/6/2015 cho chị Đoàn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết, án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Đoàn Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đặng Minh Đ, địa chỉ cư trú tại xã T, tỉnh Đồng Tháp cho nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS) xác định tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực N – Đồng Tháp và quan hệ pháp luật là: Tranh chấp ly hôn, nuoi con khi ly hôn.

[1.3] Chị P, anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với anh Đ đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh Đ đã biết được vụ kiện ly hôn

này nhưng vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại các Điều 228, 238 BLTTDS.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị P và anh Đ đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận số 41/2012 ngày 20/4/2012 đúng theo quy định, là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, chị P cho rằng trong cuộc sống hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên yêu cầu ly hôn với anh Đ. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về mâu thuẫn: Giữa chị P và anh Đ là có phát sinh mâu thuẫn trong hôn nhân do bất đồng quan điểm, anh Đ không chăm lo cho vợ, con dẫn đến thường xuyên cự cãi. Từ năm 2024 đến nay, chị P và anh Đ đã sống ly thân. Như vậy, hôn nhân của chị P và anh Đ đã không đảm bảo được tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (viết tắt Luật HNGĐ) quy định: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. ; 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*"

- Về khả năng hàn gắn: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã hòa giải, động viên để chị P hàn gắn lại tình cảm, đoàn tụ nhưng chị P cương quyết yêu cầu ly hôn. Đối với anh Đ đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng để biết nội dung vụ án nhưng anh Đ không có mặt tại Tòa án và không có văn bản ý kiến thể hiện ý chí hàn gắn lại tình cảm với chị P. Cho nên, hôn nhân giữa chị P và anh Đ không giải quyết được mâu thuẫn, không có khả năng hàn gắn tình cảm.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của chị P và anh Đ đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đoàn Thị P đối với anh Đặng Minh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật HNGĐ.

[2.2] Về con chung:

Chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung tên Đặng Đoàn Minh H1, sinh ngày 19/10/2012 và Đặng Đoàn Minh T, sinh ngày 03/6/2015, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu H1 và cháu T đang sống chung với chị P ổn định nên giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đồng thời, theo văn bản ý kiến ngày 18/4/2026, cháu T và cháu H1 cũng có nguyện vọng được sống với mẹ nếu ba mẹ ly hôn.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, giao con chung Đặng Đoàn Minh H1 và Đặng Đoàn Minh T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là đảm quyền lợi mọi mặt của con chung theo quy định tại Điều 81 Luật HNGĐ. Anh Đ không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi dưỡng cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi dưỡng trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Đ không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là đảm bảo quyền tự quyết và định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực N – Đồng Tháp đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho chị P là phù hợp với những phân tích trên nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị P phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị P và anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 19, 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị P.

1. Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị P được ly hôn với anh Đặng Minh Đ.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2012 ngày 20/4/2012 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

2.1 Giao con chung tên Đặng Đoàn Minh H1, sinh ngày 19/10/2012 và Đặng Đoàn Minh T, sinh ngày 03/6/2015 cho chị Đoàn Thị P tiếp tục trực tiếp nuôi con chung.

2.2. Anh Đặng Minh Đ không cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người không trực tiếp nuôi con chung không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Đoàn Thị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005090 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị P và anh Đặng Minh Đ có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực N – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã T, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (kx).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Thị Kim Xuyến